

Bản án số: 162 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2023

V/v “ Ly hôn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre..

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2023, N đơn chị Hồ Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 26/05/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, luôn gây gổ bất hòa nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn

nứt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù gia đình hai bên có khuyên nhủ. Hiện tại vợ chồng không ai nói chuyện với ai, cũng không còn liên lạc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 06/03/2010 và Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 27/8/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L, Tòa án có tổng đạt các thông báo cho anh L tham gia hòa giải giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 16/8/2023 đối với cháu Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Kim K, 02 cháu đều có nguyện vọng là được tiếp tục sống chung với chị N.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện nghiêm quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị N đối với anh Nguyễn Văn L. Về con chung giao 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 06/03/2010 và Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 27/8/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 26/05/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn.

Nay chị N xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh L và trong quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần mời anh L đến Tòa để hòa giải nhưng anh L không đến, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 06/03/2010 và Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 27/8/2015, 02 con chung hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng và 02 con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết, anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Hồ Thị N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị N đối với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: chị Hồ Thị N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 06/03/2010 và Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 27/8/2015. Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Hồ Thị N phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006453 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mộng Tuyền